

Số: /2025/TT-BQP
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

**Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch;
Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách
- xã hội khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp**

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch; Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách - xã hội khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2002 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng tham gia kháng chiến chống Pháp đã phục viên (giải ngũ, thôi việc) từ 31 tháng 12 năm 1960 trở về trước

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Mục III như sau:

“b) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Chỉ đạo, triển khai việc tuyên truyền, phổ biến trong nhân dân và đối tượng về nội dung chế độ và tổ chức thực hiện bảo đảm dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác, đúng đối tượng ở địa phương.

- Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm Chủ tịch Hội đồng, Ban Chỉ huy quân sự làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy; đại diện Mặt trận Tổ quốc; đại diện Hội Cựu chiến binh; đại diện Ban công an; cán bộ làm công tác thương binh xã hội và một số thành viên khác (nếu xét thấy cần thiết) để giúp Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện chế độ cho đối tượng tại địa phương theo đúng quy định tại Quyết định số 47/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư này.

- Tiếp nhận hồ sơ của đối tượng đề nghị hưởng chế độ, chuyển giao và chỉ đạo Trưởng thôn tổ chức hội nghị xem xét, xác nhận và đề nghị cho từng đối tượng.

- Tổng hợp danh sách và hồ sơ đối tượng do các Trưởng thôn báo cáo; đề nghị Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh hợp xem xét, xác nhận. Đối với những trường hợp không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, chưa xác định rõ đối tượng, thời gian tính hưởng, hội nghị lập văn bản xác nhận từng trường hợp cụ thể.

- Tổ chức hội nghị xét duyệt đối với các đối tượng do các thôn báo cáo và Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh đã cho ý kiến.

- Niêm yết danh sách đối tượng đã được xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã để lấy ý kiến của nhân dân và công bố danh sách đã xét duyệt trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương.

- Sau 15 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), gồm: Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân xã (mẫu số 5), kèm theo danh sách trích ngang đối tượng (mẫu số 6a, 6b) và 01 bộ hồ sơ của đối tượng.

- Đối với đối tượng không có giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc, Ủy ban nhân dân xã xác minh kỹ, lập văn bản xác nhận và đề nghị từng trường hợp cụ thể (mẫu số 4) và chịu trách nhiệm về nội dung xác nhận nói trên.

- Đối với những trường hợp có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân xã tiếp tục xác minh, xem xét, báo cáo sau.

- Tổ chức xác nhận đối tượng, thời gian phục vụ quân đội (để tính hưởng chế độ) theo đề nghị của đối tượng hiện nay cư trú ở địa phương khác (quy trình tổ chức xét duyệt và hồ sơ thực hiện như đối tượng không còn giấy tờ gốc hoặc được coi là giấy tờ gốc ở địa phương). Trong thời gian 45 ngày phải chuyển hồ sơ đã xét duyệt hoặc trả lời cho đối tượng theo đề nghị.

- Tiếp tục xác minh và báo cáo các trường hợp chưa rõ đối tượng, chưa rõ thời gian tham gia quân đội và còn vướng mắc chưa giải quyết chế độ theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Lập danh sách đề nghị Sở Nội vụ và cơ quan Bảo hiểm xã hội khu vực rà soát những đối tượng đã được công nhận là liệt sỹ, đối tượng thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, mất sức lao động, bệnh binh hằng tháng.

- Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chuyển đến, chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền thực hiện chi trả cho đối tượng và báo cáo về Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh.

- Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ thuộc địa phương quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc có liên quan.”.

2. Sửa đổi bổ sung điểm đ khoản 2 Mục III như sau:

“d) Trách nhiệm của cơ quan quân sự địa phương các cấp

- Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh:

- + Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tuyên truyền phổ biến, tổ chức triển khai thực hiện ở các cấp.

- + Tiếp nhận hồ sơ của UBND cấp xã; tổ chức thẩm định, xét duyệt, kiểm tra; tổng hợp báo cáo xin ý kiến Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Lập danh sách, tổng hợp hồ sơ báo cáo Quân khu (qua Phòng Chính sách), gồm: Công văn đề nghị của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (mẫu số 5); danh sách trích ngang đối tượng (mẫu số 6a, 6b); hồ sơ đối tượng (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ)

+ Căn cứ vào thông báo kinh phí và danh sách được trên quyết định, tổng hợp, chuyển UBND xã đề chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền thực hiện chi trả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

+ Lưu danh sách đối tượng được hưởng chế độ và hồ sơ (01 đối tượng 01 bộ hồ sơ) thuộc địa phương đơn vị quản lý và đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề có liên quan.

3. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại gạch đầu dòng thứ hai điểm d khoản 2 Mục III.

b) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm g khoản 2 Mục III.

4. Bãi bỏ cụm từ, điểm sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “đăng ký hộ khẩu” tại Mẫu số 1a, Mẫu số 1b, Mẫu số 1c, Mẫu số 3, Mẫu số 4, Mẫu số 6a, Mẫu số 6b ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC.

b) Bãi bỏ cụm từ “Huyện (quận)” tại Mẫu số 3, Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC.

c) Bãi bỏ cụm từ “Xác nhận của UBND huyện (quận) đối với công văn của BCHQS huyện, quận” tại Mẫu số 5 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 104/2002/TTLT-BQP-BTC.

d) Bãi bỏ điểm c khoản 2 Mục III.

Điều 2. Sửa đổi, thay thế cụm từ của Thông tư liên tịch số 27/2004/TTLT-BQP-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2004 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 215/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng trực tiếp làm công tác quản lý giáo dục, chăm sóc khám chữa bệnh hoặc đấu tranh với các đối tượng nhiễm HIV/AIDS

Thay thế cụm từ “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nội vụ” tại điểm b khoản 2 Mục II.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2005 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2008; Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024

1. Bổ sung tiết h vào sau tiết g điểm 1.4 khoản 1 Phần III như sau:

“h) Đối với lực lượng mật và đối tượng tham gia chiến đấu ở chiến trường B, C, K tự về gia đình chưa được hưởng chế độ, chính sách, quê từ huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị trở ra mà không thuộc dân tộc ít người, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc quyền phối hợp với đơn vị, địa phương có liên quan tiến hành thẩm tra, xác minh, kết luận từng trường hợp cụ thể trước khi xét duyệt, tổng hợp trong phạm vi, thẩm quyền giải quyết theo quy định.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tiết h điểm 1.2 khoản 1 Phần III như sau:

“h) Sau 10 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Quốc phòng giải quyết, bao gồm: quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân, du kích tập trung, lực lượng mật quốc phòng;

- Qua Công an cấp tỉnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền Bộ Công an giải quyết, bao gồm: công an nhân dân, công nhân viên chức công an, lực lượng mật công an;

- Qua Sở Nội vụ đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết bao gồm: cán bộ, công nhân viên chức, cán bộ dân chính đảng, thanh niên xung phong.

3. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm 2.2 khoản 2 Phần II Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, tiết b và tiết d điểm 1.4 khoản 1 Phần III Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP, khoản 3 Phần IV Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại tiết d và tiết đ điểm 1.5 khoản 1 Phần III đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 3 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

c) Thay thế cụm từ “huyện (quận)” bằng từ “xã” tại tiết c điểm 1.4 khoản 1 Phần III, điểm 6.1 khoản 6 Phần IV Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

d) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 5, 6 và 7 Mục V Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

4. Bãi bỏ từ, cụm từ và điểm, khoản sau:

a) Bãi bỏ cụm từ: “- Công văn đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện (quận) (mẫu 8C), kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ mai táng phí (mẫu 9E).” tại điểm 2.2 khoản 2 Phần II Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Bãi bỏ cụm từ “Nội vụ” tại tiết b điểm 1.4 khoản 1 Phần III Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

c) Bãi bỏ từ “huyện” tại Mẫu số 04, cụm từ “huyện (quận)” tại Mẫu số 05 và 06 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC đã được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

d) Bãi bỏ điểm 1.3 khoản 1 Phần III.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2007 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 159/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hưu trí đối với quân nhân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước có 20 năm trở lên phục vụ quân đội đã phục viên, xuất ngũ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC như sau:

“8. Bổ sung thêm Điểm 2.4a và Điểm 2.4b sau Điểm 2.4 Khoản 2 Mục III như sau:

“2.4a. Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội thực hiện trách nhiệm như đối với quân khu; chỉ đạo Cục Chính trị thực hiện trách nhiệm tương tự Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

2.4b. Thời gian xét duyệt, thẩm định ở các cấp được thực hiện như sau:

- Trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc tổng hợp, lập hồ sơ báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh.

- Trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoàn thành việc xét duyệt, hoàn thiện hồ sơ (hưu trí 05 bộ, trợ cấp 1 lần 04 bộ) báo cáo Cục Chính trị quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh báo cáo, cấp quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc thẩm định, hoàn thiện hồ sơ báo cáo Bảo hiểm xã hội Quân đội xem xét, ra quyết định hưởng chế độ cho các đối tượng theo quy định.”.

2. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 3 Mục II Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 2, khoản 3 Điều 1 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 1 Mục IV Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 6 Điều 1, khoản 3 Điều 2 Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Thay thế cụm từ “Ban chỉ huy quân sự huyện (quận)” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại tiết b điểm 2.3 khoản 2 Mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Thay thế cụm từ “BHXH các tỉnh (thành phố)” bằng cụm từ “BHXH khu vực” tại khoản 3 Mục IV Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; mẫu số 07, 08 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

d) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; Mẫu số 05, Mẫu số 06, Mẫu số 07, Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

e) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại tiết d điểm 2.4 khoản 2 Mục III Thông tư số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và khoản 9 Điều 1 và khoản 4 Điều 2 Thông tư số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

g) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Chế độ chính sách BHXH Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ BHXH” tại Điều 3 các Mẫu số 07, Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC và Thông tư số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

2. Bãi bỏ tiết 2.2 khoản 2 mục III Thông tư liên tịch số 69/2007/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư liên tịch số 110/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư liên tịch số 82/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 09 tháng 6 năm 2011 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội, Bộ Tài chính; Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ tư điểm đ khoản 2 Mục V Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“- Tổ chức niêm yết và thông báo danh sách đối tượng đã xét duyệt; sau 15 ngày, nếu không có ý kiến thắc mắc, khiếu kiện của nhân dân thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, lập hồ sơ (trợ cấp hàng tháng 01 bộ, trợ cấp một lần 01 bộ) báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh. Những trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian tính hưởng hoặc có khiếu nại, tố cáo thì để lại tiếp tục xác minh, xem xét báo cáo sau.”.

2. Sửa đổi, bổ sung tựa đề điểm e khoản 2 Mục V như sau:

“Căn cứ vào danh sách và quyết định của cấp có thẩm quyền thực hiện chi trả cho đối tượng và báo cáo về Bộ chỉ huy Quân sự cấp tỉnh.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Mục V Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“b) Trách nhiệm của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố)

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiện toàn Ban chỉ đạo; tổ chức tuyên truyền; xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai và kiểm tra thực hiện; bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thuộc quyền.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng trên cơ sở hồ sơ lưu trữ của đơn vị, xác nhận thời gian công tác trong quân đội những đối tượng có yêu cầu, Thủ trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác nhận đó.

- Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp xã; xét duyệt, tổng hợp báo cáo xin ý kiến Ban chỉ đạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Đối với đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng, lập bản xét duyệt và đề nghị đối với từng trường hợp (mẫu 5A).

- Làm công văn (mẫu 05), kèm theo danh sách (mẫu 6A, 6B) và hồ sơ đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ báo cáo Quân khu (qua Phòng Chính sách) theo từng loại đối tượng (trợ cấp hàng tháng mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ; trợ cấp một lần mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ).

- Căn cứ vào quyết định của Quân khu và kinh phí được thông báo, tổng hợp, chuyển UBND cấp xã chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền thực hiện chi trả và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

- Lưu danh sách và hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ mỗi đối tượng 01 bộ, đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề vướng mắc có liên quan.

- Bàn giao hồ sơ hưởng trợ cấp hàng tháng của đối tượng cho Sở Nội vụ tiếp nhận, chậm nhất không quá 45 ngày, kể từ ngày ký quyết định hưởng chế độ.

- Chuyển trả giấy tờ bản gốc cho đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng chậm nhất 30 ngày sau khi Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ.

Đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, cơ quan Cục Chính trị thực hiện trách nhiệm tương tự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) trong việc chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền và phối hợp với các cơ quan chức năng của thành phố Hà Nội.”

4. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 1 Mục III; điểm a khoản 2 Mục IV; điểm d khoản 4 Mục V; điểm e khoản 6 Mục V; điểm a khoản 8 Mục V; khoản 2 Mục VI; điểm a khoản 3 Mục VI; khoản 2 Mục VII Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 1, khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 110/2010/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; khoản 1 khoản 2 Điều 3 Thông tư liên tịch số 82/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Thay thế cụm từ “huyện (quận)” bằng cụm từ “cấp xã” tại điểm d khoản 4 Mục V.

c) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm a khoản 2 Mục VI; điểm c, điểm d, điểm e khoản 6 Mục V; khoản 2 Mục VII.

5. Bãi bỏ các cụm từ, điểm, khoản sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự huyện (quận)” tại điểm b khoản 1 Mục IV.

b) Bãi bỏ khoản 3 Mục V.

c) Bãi bỏ điểm a khoản 5 mục V.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc được sửa đổi, bổ sung tại Điều 4 Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai tại điểm c khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“- Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ do các Trưởng thôn báo cáo theo từng đợt, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc xét duyệt, lập và xác nhận hồ sơ cho từng đối tượng báo cáo Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng, gồm quân nhân, cơ yếu, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân tự vệ; qua Sở Nội vụ đối với đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), gồm công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành; cán bộ xã; công an xã; thanh niên xung phong.

Những trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian tính hưởng chế độ hoặc có khiếu nại, tố cáo thì để lại xác minh, làm rõ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo sau”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 4 Điều 7 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo; trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt) hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, báo cáo đề nghị cấp có thẩm quyền theo quy định sau đây:

- Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, tổng hợp, báo cáo, đề nghị Bộ Tư lệnh quân khu thẩm định (qua Phòng Chính sách), kèm theo hồ sơ đối tượng và danh sách đối tượng (mẫu 3B, 3C).

Cục Chính trị - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, tổng hợp đề nghị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần; rà soát, tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ đối tượng hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng báo cáo Bộ Tư lệnh, đề nghị Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị thẩm định, ra quyết định.

- Sở Nội vụ: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, tổng hợp, báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định theo quy định và lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ.

b) Chỉ đạo Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho Sở Nội vụ quản lý, chi trả trợ cấp hằng tháng, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí cho các đối tượng theo quy định; chi trả trợ cấp một lần cho các đối tượng khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Chỉ đạo Sở Nội vụ căn cứ vào quyết định hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần của cấp có thẩm quyền theo quy định của Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, hướng dẫn và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội hiện hành.

d) Ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (mẫu 5) cho các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết theo đề nghị của Sở Nội vụ.

đ) Tổng hợp, lập dự toán ngân sách bảo đảm chi trả chế độ cho đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết, báo cáo Bộ Nội vụ đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí.

e) Chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp nhận hồ sơ hưởng trợ cấp hằng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao, kịp thời chi trả chế độ trợ cấp hằng tháng và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí cho các đối tượng theo quy định.

g) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện và giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm d, đ, e khoản 3 Điều 4 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“5. Đối với Bộ Tư lệnh các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện.

b) Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt), Bộ Tư lệnh các Quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoàn thành việc thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (mẫu 5); Bộ Tư lệnh các Quân khu ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng (05 bản chính, mẫu 6A) cho các đối tượng thuộc quyền sau khi có ý kiến thẩm định của Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị, cấp giấy giới thiệu (03 bản chính, mẫu 6B).

c) Tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) danh sách trợ cấp hằng tháng (theo từng đợt); quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần.

d) Lưu trữ hồ sơ đối tượng hưởng chế độ (mỗi đối tượng 01 bộ); chuyển 01 bộ hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội) và quyết định kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần để bàn giao cho Sở Nội vụ.

đ) Chỉ đạo, thực hiện việc trả lại các giấy tờ gốc, giấy tờ được coi là giấy tờ gốc và giấy tờ liên quan (bản chính) cho đối tượng”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 7 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại điểm g khoản 3 Điều 4 Thông tư số 104/2024/TT-BQP như sau:

“7. Đối với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng

a) Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị

- Phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện;

- Tổ chức thẩm định hồ sơ hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo đề nghị của Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội. Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt báo cáo), hoàn thành việc thẩm định, ra quyết định và cấp giấy giới thiệu đối với các đối tượng hưởng trợ cấp hằng tháng theo đề nghị của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Lưu trữ quyết định kèm theo danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần; danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng do các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội báo cáo; hồ sơ hưởng chế độ hằng tháng (mỗi đối tượng 01 bộ) thuộc thẩm quyền thẩm định, ra quyết định; chủ trì, phối hợp giải quyết những vướng mắc, phát sinh.”

5. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a khoản 2 Điều 1; khoản 1 Điều 2; khoản 1 Điều 5; điểm a

khoản 2 Điều 6; điểm a khoản 2 Điều 7; tựa đề khoản 2, điểm a khoản 2 Điều 8; điểm a khoản 3 Điều 8 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

b) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

6. Bãi bỏ một cụm từ, khoản sau

a) Bãi bỏ cụm từ “Phối hợp với ban Chỉ huy quân sự, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện” tại điểm d khoản 2 Điều 7.

b) Bãi bỏ khoản 3 Điều 7.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 có từ đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Thay thế cụm từ:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 7.

b) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 5, điểm d khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6 và khoản 4 Điều 7; Mẫu biểu số 05, Mẫu biểu số 06, Mẫu biểu số 07, Mẫu biểu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

c) Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội tỉnh” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội khu vực” tại khoản b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 5; khoản 4 Điều 7.

d) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh” tại điểm a khoản 2 Điều 6.

đ) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm a khoản 3 Điều 6.

e) Thay thế cụm từ “Trưởng phòng Chế độ chính sách BHXH Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Trưởng phòng Chế độ BHXH” tại Điều 3 các Mẫu số 07, Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

g) Thay thế cụm từ “BHXH các tỉnh (thành phố)” bằng cụm từ “BHXH khu vực” tại Mẫu số 07, Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư số

102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP.

2. Bãi bỏ điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 Điều 10, như sau:

“e) Sau khi được cấp kinh phí trợ cấp, trong thời gian 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tổ chức chi trả chế độ trợ cấp một lần và trao Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến cho các đối tượng bảo đảm kịp thời, công khai, chặt chẽ, chính xác”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 104/2024/TT-BQP, như sau:

“2. Trình tự thực hiện trợ cấp mai táng phí

a) Đối với thân nhân đối tượng

Nộp hồ sơ theo mẫu hướng dẫn tại khoản 1 Điều này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định của thân nhân đối tượng, kiểm tra, thẩm định, hoàn thiện 02 bộ hồ sơ, làm công văn đề nghị theo mẫu 5A và danh sách đề nghị trợ cấp mai táng phí theo mẫu số 5B gửi Sở Nội vụ cấp tỉnh.

c) Sở Nội vụ cấp tỉnh

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, kiểm tra, tổng hợp danh sách, lưu hồ sơ và ra quyết định hưởng trợ cấp, chuyển quyết định cùng kinh phí về Ủy ban nhân dân cấp xã để chi trả cho thân nhân đối tượng.

d) Sau khi nhận được kinh phí trợ cấp do Sở Nội vụ cấp tỉnh chuyển về, trong thời gian 10 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp chi trả cho thân nhân đối tượng”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm đ khoản 1 Điều 13 như sau:

“b) Xác định các đợt đi dân công hỏa tuyến của xã trong các thời kỳ, số lượng người đi dân công hỏa tuyến của mỗi đợt, báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổng hợp (qua Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh) làm cơ sở xét duyệt, thẩm định tại xã.

đ) Trên cơ sở kinh phí trợ cấp do Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh chuyển đến; Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền tổ chức chi trả chế độ trợ cấp một lần và trao Giấy chứng nhận tham gia dân công hỏa cho đối tượng; bảo đảm công khai, chặt chẽ, chính xác, kịp thời”

4. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “điểm d khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2014) bằng cụm từ “điểm e khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế (sửa đổi, bổ sung năm 2024) tại khoản 1 Điều 6.

b) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại điểm b khoản 2 Điều 10.

c) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp xã” tại điểm d khoản 2 Điều 10.

d) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ đạo cấp huyện” bằng cụm từ “Ban Chỉ đạo cấp tỉnh” tại điểm d khoản 1 Điều 13.

đ) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 13; tiêu đề khoản 2 và điểm a khoản 2 Điều 14.

e) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm c khoản 4 Điều 13; tiêu đề điểm a khoản 5 Điều 13.

5. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 13.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP ngày 07 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 139/2011/TT-BQP ngày 01 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 139/2011/TT-BQP như sau:

“1. Khi phục viên về địa phương, sĩ quan phục viên đăng ký với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh. Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký khám bệnh, chữa bệnh, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu cho sĩ quan phục viên đến bệnh viện quân đội theo tuyến để làm thủ tục đăng ký tuyến khám bệnh, chữa bệnh lần đầu.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 8 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP, như sau:

“a) Giấy chứng nhận thuộc diện có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; cư trú thường xuyên tại các xã thuộc vùng sâu, vùng núi cao, biên giới, hải đảo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 11 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP, như sau:

“b) Có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã cấp.”.

4. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự huyện” bằng cụm từ “Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 7, điểm e khoản 2 Điều 10, tiêu đề khoản 1 Điều 18 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP.

b) Thay thế từ “huyện” bằng từ “tỉnh” tại khoản 4 Điều 7 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 139/2011/TT-BQP.

c) Thay thế cụm từ “Hậu cần” bằng cụm từ “Hậu cần - Kỹ thuật” tại Điều 13, khoản 1, khoản 5 Điều 19 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP.

d) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 3 Điều 19 Quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với sĩ quan phục viên có đủ 15 năm phục vụ trong Quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 33/2003/QĐ-BQP.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về thực hiện một số chế độ, chính sách góp phần chăm sóc đối với cán bộ quân đội nghỉ hưu được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 6 như sau:

“b) Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức giám định thông qua hồ sơ hoặc giám định trực tiếp khám bệnh nhân (trường hợp không có hồ sơ):

Giám định thông qua hồ sơ: Phải căn cứ bản sao bệnh án, các xét nghiệm liên quan của bệnh viện dân y hoặc các bệnh viện Quân đội nơi đối tượng đã điều trị; xem xét kỹ nội dung khám, xét nghiệm, chẩn đoán chuyên môn trong bản sao bệnh án để đối chiếu và kết luận giám định theo tiêu chuẩn trong “Phụ lục 1- Danh mục bệnh hiểm nghèo” ban hành kèm theo Thông tư này để kết luận.”.

2. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm b, điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 12; khoản 2 Điều 13, Điều 16.

b) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại điểm b khoản 4 Điều 6.

c) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp xã” tại điểm d khoản 4 Điều 6.

d) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực” tại điểm c khoản 2 Điều 11.

đ) Thay thế cụm từ “Tổng cục Hậu cần” bằng cụm từ “Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật” tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 13.

e) Thay thế cụm từ “quận, huyện” bằng cụm từ “tỉnh, thành phố” tại Mẫu số 01/2011/BHN Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 158/2011/TT-BQP ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã được thay thế bằng Mẫu số 01/2024/BHN Phụ lục II Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

3. Bãi bỏ cụm, điểm khoản sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” tại điểm a khoản 3 Điều 8.

b) Bãi bỏ điểm c khoản 4 Điều 6.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 157/2013/TT-BQP ngày 26 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, điều trị, chăm sóc, giải quyết chính sách đối với quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong tổ chức cơ yếu do Quân đội quản lý bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai điểm d khoản 2 Điều 13 như sau:

“- Phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh chuyển đối tượng vào cơ sở Bảo trợ xã hội do ngành Y tế quản lý hoặc Trung tâm điều dưỡng thương binh (nếu là người có công) do ngành Nội vụ quản lý theo địa bàn hoặc gần nơi cư trú, bảo đảm chặt chẽ, chu đáo, có sự chứng kiến của cơ quan quân sự, chính quyền địa phương cấp xã và gia đình người bị bệnh tâm thần.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 13 như sau:

“b) Chủ trì phối hợp với đơn vị quản lý người bị bệnh tâm thần chuyển ra khỏi Quân đội; liên hệ với ngành Y tế hoặc ngành Nội vụ chuyển đối tượng có nhu cầu hoặc không có thân nhân nhận nuôi dưỡng vào các cơ sở Bảo trợ xã hội hoặc Trung tâm điều dưỡng thương binh (nếu là người có công) trên địa bàn hoặc gần nơi cư trú của đối tượng, bảo đảm chặt chẽ, chu đáo.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 13 như sau:

“d) Chủ động đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ngành Y tế và ngành Nội vụ chỉ đạo các cơ quan chức năng kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 Điều 13, như sau:

“d) Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, Cục Doanh trại/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan hướng dẫn lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người bị bệnh theo quy định tại Thông tư này.

Theo phạm vi, chức năng, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, tiếp tục đầu tư, củng cố nâng cấp nhà ở, nơi điều trị, trang bị phương tiện, dụng cụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, điều trị người bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần.”.

5. Thay thế cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 1, điểm e khoản 2, điểm a khoản 6 Điều 13, khoản 2 Điều 16.

b) Thay thế cụm từ “Cục Quân y/Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Cục Quân y/Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật” tại điểm a khoản 2 Điều 6, Điều 7, khoản 2 Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 9, khoản 1, điểm e khoản 2, điểm b, điểm c khoản 6 Điều 13.

c) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại điểm a khoản 6 Điều 13.

6. Bãi bỏ cụm từ, điểm sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “đăng ký hộ khẩu” tại Mẫu số 5, Mẫu số 6 Phụ lục các mẫu quy định về quản lý, điều trị, chăm sóc, giải quyết chính sách đối với người bị bệnh hiểm nghèo, bệnh cần chữa trị dài ngày, bệnh tâm thần ban hành kèm theo Thông tư số 157/2013/TT-BQP.

b) Bãi bỏ điểm d khoản 6 Điều 13.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2013/TT-BQP ngày 07 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn về trình tự, thủ tục xác nhận; tổ chức thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 55/2022/TT-BQP ngày 27 tháng 7 năm 2022, Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 17 như sau:

“b) Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Cục Chính trị Quân khu, mỗi cấp trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ, có trách nhiệm kiểm tra, xem xét, hoàn thiện hồ sơ theo thẩm quyền, gửi Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị;”.

2. Thay thế cụm từ:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 2 Điều 15, điểm e khoản 2 Điều 17 Thông tư số 202/2013/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

b) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh” tại điểm d khoản 2 Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 202/2013/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

c) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm g khoản 2 Điều 15, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 17 Thông

tư số 202/2013/TT-BQP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

Điều 13. Sửa đổi, thay thế cụm từ tại Thông tư số 06/2015/TT-BQP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trong Bộ Quốc phòng

Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm a, điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 107/2016/TT-BQP ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về khám bệnh, chữa bệnh đối với quân nhân chuyên nghiệp có đủ 15 năm trở lên công tác trong Bộ Quốc phòng đã về phục viên

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Bộ Quốc phòng (sau đây gọi chung là bệnh viện quân y) đối với quân nhân chuyên nghiệp có đủ 15 năm trở lên công tác trong Bộ Quốc phòng đã về phục viên quy định tại Thông tư này là các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh **Cấp cơ bản và cấp chuyên sâu theo quy định tại khoản 1 Điều 104 Luật Khám bệnh, chữa bệnh.**

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Đăng ký khám bệnh, chữa bệnh:

a) Quân nhân phục viên về địa phương, đăng ký với **Ban Chỉ huy quân sự cấp xã**. Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký khám bệnh, chữa bệnh, **Ban Chỉ huy quân sự cấp xã** có trách nhiệm cấp giấy giới thiệu cho quân nhân phục viên đến bệnh viện quân y theo tuyến để làm thủ tục đăng ký tuyến khám bệnh, chữa bệnh ban đầu;

b) Bệnh viện quân y thuộc tuyến, căn cứ vào giấy giới thiệu của **Ban Chỉ huy quân sự cấp xã**; quyết định phục viên; **căn cước công dân** để cấp sổ khám bệnh cho quân nhân phục viên;

c) Trường hợp quân nhân phục viên thay đổi bệnh viện quân y khám bệnh, chữa bệnh do di chuyển nơi cư trú, thủ tục đăng ký khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện quân y mới được thực hiện theo giấy giới thiệu của **Ban Chỉ huy quân sự cấp xã** (nơi mới đến cư trú) và sổ khám bệnh của bệnh viện cũ;

d) Quân nhân phục viên thuộc đối tượng quy định tại **Khoản 2 Điều 2 Thông tư này** có nguyện vọng khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện quân y theo tuyến thì đăng ký với cơ quan bảo hiểm **xã hội** địa phương, được hưởng các quyền lợi khám bệnh, chữa bệnh và có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

2. Thay thế cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện” bằng cụm từ “cơ quan Nội vụ cấp xã” tại điểm a, khoản 3 Điều 4

b) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp xã” tại điểm d khoản 2 Điều 5, khoản 4 Điều 10.

c) Thay thế cụm từ “cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện và tương đương” bằng cụm từ “cơ quan Nội vụ cấp xã và tương đương” tại điểm b, khoản 1 Điều 6.

d) Thay thế cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Bộ Nội vụ” tại điểm d, khoản 1 Điều 6.

đ) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm a khoản 5.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 86/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định và hướng dẫn tổ chức lễ tang đối với quân nhân, công nhân, viên chức quốc phòng; người làm công tác cơ yếu do Bộ Quốc phòng quản lý

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 31, Điều 32 như sau:

“Điều 31. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Hàng năm, chỉ đạo, hướng dẫn lập dự toán và phân cấp xăng dầu hỗ trợ tổ chức lễ tang cho các cơ quan, đơn vị. Chỉ đạo công tác bảo đảm kỹ thuật cho các phương tiện ô tô, xe máy phục vụ Lễ tang cấp Nhà nước, Lễ tang Cấp cao do Bộ Quốc phòng chủ trì, thực hiện các nội dung có liên quan theo chức năng.

2. Thay thế cụm từ như sau:

a) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm b khoản 3 Điều 12, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 37.

b) Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực” tại điểm c khoản 2 Điều 26.

c) Thay thế cụm từ “Cục Quân huấn” bằng cụm từ “Cục Quân huấn - Nhà trường” tại khoản 1 Điều 30.

3. Bãi bỏ cụm từ “Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” tại khoản 3 Điều 17.

Điều 16. Thay thế, bãi bỏ cụm từ tại Thông tư số 95/2016/TT-BQP ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng

1. Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm c khoản 2 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 9, khoản 4 Điều 10.

2. Thay thế cụm từ “Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội Quân đội” tại điểm b khoản 1 Điều 7, điểm d khoản 2 Điều 9.

3. Bãi bỏ cụm từ “huyện (quận)” tại Mẫu số 03 Phụ lục mẫu biểu hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 95/2016/TT-BQP đã được thay thế bằng Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2024/TT-BQP.

Điều 17. Thay thế, bãi bỏ cụm từ tại Thông tư số 298/2017/TT-BQP ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực

hiện một số chế độ, chính sách và công tác bảo đảm đối với tổ chức, cá nhân làm nhiệm vụ tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 9 như sau:

“3. Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật

Chỉ đạo, hướng dẫn việc bảo đảm trang phục, phương tiện hậu cần, đời sống, vật tư, xăng dầu theo quy định; phối hợp bảo đảm trang bị, phương tiện; chỉ đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo quy định.

2. Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm c khoản 1; điểm c, điểm b khoản 5 Điều 9; khoản 2 Điều 11.

3. Bãi bỏ cụm từ “hoặc Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” tại điểm d khoản 5, điểm c khoản 9 Điều 7.

Điều 18. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, điểm, khoản tại Thông tư số 170/2018/TT-BQP ngày 16 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số điều của Nghị định số 102/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ quy định chế độ hỗ trợ và một số chế độ đãi ngộ khác đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài

1. Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 6.

2. Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 4, điểm a, điểm c khoản 5 Điều 6.

3. Thay thế cụm từ “Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại điểm c khoản 4 Điều 6.

4. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ ba, gạch đầu dòng thứ tư tại điểm a khoản 5 Điều 6.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2022/TT-BQP ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn quy trình công nhận và thực hiện chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 16 như sau:

“1. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Nghị định, có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các giấy tờ làm căn cứ đề nghị công nhận liệt sĩ, xét duyệt và cấp giấy chứng nhận hy sinh. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có văn bản kèm theo danh sách và hồ sơ đề nghị Cục Chính sách - Xã hội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đề nghị Cục Chính trị quân khu.

Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận bản sao quyết định cấp bằng, Bằng “Tổ quốc ghi công” và hồ sơ liệt sĩ do Cục Chính sách - Xã hội hoặc Cục Chính trị quân khu chuyển đến, có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị thông báo đến thân nhân liệt sĩ (cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ), phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đại diện thân nhân

liệt sĩ cư trú để tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, trao Bằng “Tổ quốc ghi công” cho thân nhân (trường hợp không còn thân nhân thì tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ, bàn giao Bằng “Tổ quốc ghi công” về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi liệt sĩ thường trú trước khi hy sinh); bàn giao hồ sơ kèm theo bản sao quyết định cấp bằng về Sở Nội vụ nơi tổ chức lễ truy điệu liệt sĩ để thực hiện chế độ ưu đãi.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 17 như sau:

“1. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội hoặc Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận đủ giấy tờ quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều 77 Nghị định, có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các giấy tờ làm căn cứ đề nghị công nhận thương binh, xét duyệt và cấp giấy chứng nhận bị thương. Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có văn bản kèm theo danh sách và hồ sơ đề nghị Cục Chính sách - Xã hội, Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đề nghị Cục Chính trị quân khu. Trường hợp các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 Nghị định không ghi nhận các vết thương cụ thể hoặc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 76 Nghị định mà có khai thêm các vết thương khác thì chỉ đạo Hội đồng kiểm tra vết thương thực thể (Hội đồng kiểm tra vết thương thực thể do Thủ trưởng cơ quan Hậu cần - Kỹ thuật làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm: Trưởng phòng (ban) Chính sách, Cán bộ, Bảo vệ An ninh, Quân lực, Quân y và Bệnh xá trưởng (nếu có)), kiểm tra và lập biên bản kiểm tra vết thương thực thể theo Mẫu số 46 Phụ lục I Nghị định, trước khi cấp giấy chứng nhận bị thương.

Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thực hiện chế độ trợ cấp, phụ cấp và hồ sơ do cơ quan cấp trên chuyên đến; chỉ đạo cơ quan, đơn vị giải quyết chế độ ưu đãi, bàn giao quyết định và giấy chứng nhận thương binh (nếu có) cho đối tượng; di chuyển hồ sơ đến Sở Nội vụ nơi đối tượng thường trú để quản lý và thực hiện chế độ ưu đãi.”.

3. Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại khoản 2 Điều 4, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 5, khoản 1, khoản 5 Điều 10, khoản 2 Điều 15, khoản 2, khoản 4 Điều 16, khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 23, điểm a khoản 2 Điều 24, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 27.

4. Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại khoản 1, khoản 2 Điều 5, khoản 1, khoản 2 Điều 6, khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 7, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 8, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 9, khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 10, khoản 1, khoản 2 Điều 13, điểm c khoản 1 Điều 14, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 17, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6 Điều 18, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 20, khoản 2, khoản 3 Điều 22, điểm b, điểm c khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 23, điểm b, điểm c khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 24, khoản 2, khoản 3 Điều 25, điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2 điều 26, điểm a, điểm b, điểm c khoản 1, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 30.

6. Thay thế cụm từ “Hậu cần” bằng cụm từ “Hậu cần - Kỹ thuật” tại khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 18.

Điều 20. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, điểm, khoản tại Thông tư số 80/2022/TT-BQP ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc tổ chức tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và bàn giao hài cốt liệt sĩ

1. Thay thế cụm từ

a) Thay thế cụm từ: “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm b khoản 3; điểm a khoản 4 Điều 6; điểm b điểm c khoản 2 Điều 7; điểm e điểm g khoản 3 Điều 8; điểm b khoản a Điều 16; khoản 2 Điều 27.

b) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 3 Điều 8; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 16; điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19; điểm b, điểm c khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 20; điểm b khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 27.

3. Bãi bỏ cụm từ:

a) Bãi bỏ cụm từ “về cơ quan quân sự cấp huyện để tổng hợp báo cáo” tại điểm d khoản 2 Điều 7.

b) Bãi bỏ cụm từ “hoặc Ban chỉ huy quân sự cấp huyện” tại điểm a khoản 1 Điều 19.

Điều 21. Sửa đổi, thay thế cụm từ tại Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

1. Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại Điều 4, khoản 2 Điều 5.

2. Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại điểm khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 8.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

2. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo các quy định tại Thông tư liên tịch số Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Bộ, ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Cục: Chính sách-Xã hội⁽⁰³⁾, Cán bộ, Quân lực, Tài chính; Quân y;

- Cục Kiểm tra văn bản/Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Cổng TTĐT BQP (để đăng tải);
- Cổng TTĐT ngành Chính sách QĐ (để đăng tải);
- Lưu: VT, KH. H92

Đại tướng Phan Văn Giang